TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: **77**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 11 - 2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986

Địa chỉ : Thôn Ngư Uyên, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ : Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn : Ông Nguyễn Văn T, sinh 1965 ;

Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (là người đại diện theo pháp luật, bố đẻ chị L).

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào ngày 24 tháng 10 năm 2008, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương, trước lúc kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu. Sau

ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu theo anh T là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính cách không hợp, nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Năm 2013, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ (ông Nguyễn Văn T ở), mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

- Về nuôi con chung: Anh và chị L có hai con chung là cháu Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 22/11/2009 và cháu Nguyễn Hải Đ2, sinh ngày 23/11/2012. Hiện cháu Đ1 đang ở với anh T, cháu Đ2 đang ở với ông T. Nay ly hôn, anh T đề nghị anh nuôi cháu Đ1, chị L nuôi cháu Đ2. Nếu chị L không nhận nuôi cháu nào, thì anh đề nghị nuôi cả hai cháu và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản: Không có gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn (ông Nguyễn Văn T) trình bày: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau vào ngày 24 tháng 10 năm 2008, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương, trước lúc kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn được hơn năm thì anh T và chị L đã xảy ra việc đánh cãi chửi nhau, chị L đã phải bỏ về nhà ông ở. Được sự động viên của hai bên gia đình, chị L lại quay về đoàn tụ cùng anh T, song vợ chồng vẫn thường xuyên đánh nhau. Tháng 3/2013, chị L đã phải bỏ về nhà ông ở hẳn từ đó cho đến nay. Nay anh T xin ly hôn, Tòa án huyện K thụ lý giải quyết chị L có biết song ngày 24/4/2017 chị L đã đi lao động tại Đài Loan nên chị L không đến Tòa án. Gia đình ông vẫn liên lạc với chị L thông qua điện thoại, chị L cho gia đình ông biết hiện chị L đang ở Đài Nam, Đài Loan còn địa chỉ cụ thể gia đình ông không biết, nên việc anh T xin ly hôn, chị L nhất trí.

- Về nuôi con chung: Anh T và chị L có hai con chung là cháu Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 22/11/2009 và cháu Nguyễn Hải Đ2, sinh ngày 23/11/2012. Hiện cháu Đ1 đang ở với anh T, cháu Đ2 đang ở với ông T. Nay Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh T và chị L, thì chị L có nguyện vọng được nuôi cháu Đ2 và tạm giao cháu Đ2 cho ông được nuôi dưỡng trong thời gian chị L vắng mặt, gia đình ông yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi cháu, còn nếu anh T không đồng ý cấp dưỡng thì gia đình ông cũng không yêu cầu. Còn cháu Đ1, chị L và gia đình ông nhất trí để cháu cho anh T nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu việc cấp dưỡng thì gia đình ông cũng không có ý kiến gì.

- Về chia tài sản: Ông cho biết, chị L và anh T không có gì, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng của cháu Nguyễn Thành Đ1 đề nghị xin được ở với cả bố và mẹ.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/5/2017 Ủy ban nhân dân xã L cung cấp: Anh T và chị L kết hôn với nhau vào ngày 24/10/2008, được đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau ngày cưới, anh T và chị L ở tại Ngư Uyên, L sinh sống. Sau khi vợ chồng mâu thuẫn chị L đã về nhà đẻ tại thôn D, xã L. Thời gian gần đây, địa phương có nghe thông tin chị L đi lao động tại nước ngoài, còn đi cụ thể

nước nào thì địa phương không nắm được, nên việc anh T xin ly hôn địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2017 Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an có công văn trả lời số: 10386 thể hiện "người mang tên Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/4/1989, CMND số 142378541 đã sử dụng hộ chiếu số C2927244 xuất cảnh ngày 24/04/2017 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh; Theo quy định của Chính phủ, người xuất nhập cảnh không phải khai phiếu xuất nhập cảnh nên không có thông tin về nước đến của chị Nguyễn Thị L".

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn và nuôi dưỡng cháu Đ2, không yêu cầu cấp dưỡng. Còn nếu chị L xin được nuôi cháu Đ1 và gia đình chị L yêu cầu cấp dưỡng thì anh đề nghị xin được nuôi cả hai cháu Đ1, Đăng. Anh không nhất trí yêu cầu cấp dưỡng.

Đại diện VKSND huyện K phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với Nguyên đơn đã chấp hành đúng, riêng Bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 22/11/2009 cho anh T và giao cháu Nguyễn Hải Đ2, sinh ngày 23/11/2012 cho chị Nguyễn Thị L, tạm giao cháu Đ2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian chị L lao động tại Đài Loan. Các bên đều tự nguyện không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: Không đặt ra việc giải quyết trong vụ án; Về án phí: Anh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại L, K, Hải Dương. Ngày 04/4/2017 TAND huyện K thụ lý giải quyết vụ án, chị L có biết song không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, cho đến ngày 24/4/2017 theo cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an xác định: chị L xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh và không có thông tin về nước đến của chị Nguyễn Thị L". Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T kết hôn với chị Nguyễn Thị L trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc anh T đề nghị xin ly hôn chị L, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không tìm được tiếng nói chung. Năm 2013 chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, mọi quan hệ vợ

chồng hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay anh T xin ly hôn, chị L nhất trí. Chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L đã ở vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị L là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị L có hai con chung là cháu Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 22/11/2009 và cháu Nguyễn Hải Đ2, sinh ngày 23/11/2012. Hiện cháu Đ1 đang ở với anh T, cháu Đ2 đang ở với ông T. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của các bên là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với qui định của pháp luật, cũng như thực tế hiện nay anh T đang nuôi cháu Đ1, chị L (ông T) đang nuôi cháu Đ2. Để đảm bảo sự ổn định cho các cháu, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, nên tiếp tục giao cháu Đ1 cho anh T, giao cháu Đ2 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian chị L vắng mặt tạm giao cháu Đ2 cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng: Tại phiên tòa anh T có quan điểm nếu chị L xin được nuôi cháu Đ1 và gia đình chị L yêu cầu cấp dưỡng thì anh đề nghị xin được nuôi cả hai cháu Đ1, cháu Đ2. Anh không nhất trí yêu cầu cấp dưỡng. Gia đình ông T cũng xác định anh T không đồng ý cấp dưỡng thì gia đình ông cũng không yêu cầu. Xét việc nuôi dưỡng con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung của các bên là hoàn toàn tự nguyện, nên không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5] Về chia tài sản: Anh T xác định vợ chồng không có gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông (T) cũng cho biết, chị L và anh T không có gì, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy không đặt ra việc giải quyết.

Nếu sau này các bên đương sự có đơn yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con hoặc chia tài sản chung của vợ chồng thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì anh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Khoản 1,2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 22/11/2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hải Đ2, sinh ngày 23/11/2012 cho chị Nguyễn Thị L và tạm giao cháu Đ2 cho ông Nguyễn Văn T

được nuôi dưỡng trong thời gian chị L vắng mặt. Các bên đều tự nguyện không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Nếu sau này các bên đương sự có đơn yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con hoặc chia tài sản chung của vợ chồng thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AB/2014/0001530 ngày 29/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Anh T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền